

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/KDTM - PT.

Ngày : 24, 25/6/2020

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***

***Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh***

***Bà Ngô Tuyết Băng***

***Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Bà Dương Thị Huệ***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh –KSV***

Ngày 24,25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2020/TLPT - KDTM ngày 19 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/ KDTM – ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận HBT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2020/QĐPT – KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2020/QĐ-PT ngày 25/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2020/QĐ-PT ngày 16/6/2020, giữa các đương sự :

- ***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGCT ( viết tắt SGCT )***

Đại diện theo pháp luật : Ông Vũ Quang L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 2C phố PĐC, phường NTB , Quận 1, Thành phố Hồ chí Minh.

***Công ty TNHH QLTS ( viết tắt QLTS ) : là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP SGCT***

Địa chỉ : số 22 phố HV – Phường LTT- Quận HK - Hà Nội

Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Hợp đồng mua bán nợ số 6116/2018/UQ.QLTS -SAIGONBNK ngày 17/12/2018

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP SGCT

Địa chỉ: Số 2C phố PĐC , phường NTB , Quận 1, Thành phố Hồ chí Minh.

Hợp đồng uỷ quyền số 6117/2018/UQ.QLTS -SAIGONBNK ngày 17/12/2018

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đàm Thị Minh T - sinh năm 1974 – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : 11A phố ĐTN – Phường LDH - HBT - Hà Nội

- **Bị đơn: Ông Đặng Xuân Thanh** sinh năm 1966

Trú tại: Số 8D, ngõ 19 phố NCT - Phường ĐN – Quận HBT , Hà Nội

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Cụ Nguyễn Thị L** sinh năm 1942

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ L : Luật sư Nguyễn Bích L , Dương thị Thu N.

+ **Bà Lê Thị Nga M** sinh năm 1968

+ **Anh Đặng Tuấn H** sinh năm 1993

+ **Chị Nguyễn Thu T** sinh năm 1995

+ **Cháu Đặng Gia H** sinh năm 2018 do anh Hiệp, chị Trang đại diện).

+ **Ông Đặng Xuân Đ** sinh năm 1972

+ **Bà Đoàn Thùy D** sinh năm 1977

+ **Cháu Đặng Minh Đ** sinh năm 2008, **cháu Đặng Minh T** sinh năm 2010 do ông Đ đại diện.

Cùng trú tại: Số 8D, ngõ 19 NCT , quận HBT , Hà Nội.

Bà T , ông Th, bà M có mặt. Cụ L, luật sư L, luật sư N có mặt khi xét xử , vắng mặt khi Toà tuyên án. Các đương sự khác vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại Đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngân hàng TMCP SGCT - chi nhánh Hà Nội và ông Đặng Xuân Th ký 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 179/2013/HĐTDTL – CN ngày 19/7/2013 với số tiền vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), giải ngân số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) theo Giấy nhận nợ số 179/2013/GCN ngày 19/07/2013, thời hạn vay là 09 tháng

(từ ngày 19/07/2013 đến ngày 19/04/2014), lãi suất cho vay là 16%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/1 lần kể từ lúc nhận nợ theo lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua hàng.

- Hợp đồng tín dụng số 25/2014/HĐTDTL – CN ngày 23/01/2014 với số tiền vay là 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng). Ngày 23/01/2014, giải ngân số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) theo giấy nhận nợ số 25-1/2014/GNN ngày 23/01/2014 thời hạn vay là 09 tháng (từ ngày 23/01/2014 đến 23/10/2014), lãi suất cho vay là 14.5%/năm. Ngày 25/01/2014, giải ngân số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) theo Giấy nhận nợ số 25-2/2014/GNN ngày 25/01/2014, thời hạn vay là 09 tháng (từ ngày 25/01/2014 đến 25/10/2014), lãi suất cho vay là 14.5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/1 lần kể từ lúc nhận nợ theo lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích vay vốn: Kinh doanh ô tô đã qua sử dụng.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay trên, cụ Nguyễn Thị L Đảm bảo cho hợp đồng vay trên, cụ Nguyễn Thị L đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 36a, tờ bản đồ số 6I-I-32 (1997), diện tích: 91,8m<sup>2</sup>, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng là lâu dài tại địa chỉ số 8D ngõ 19 NCT, tổ 2, P. ĐN, HBT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI948208 do UBND quận HBT cấp ngày 18/06/2012 cho cụ Nguyễn Thị L, Hợp đồng được công chứng số 280412 tại Văn phòng công chứng số 1 Hà Nội.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Th đã trả được cho ngân hàng 803.000.000đ nợ gốc và thanh toán được lãi tháng từ tháng 7 đến tháng 12/2013 và một phần lãi tháng 01/2014.

Tính đến 04/07/2019, dư nợ của ông Th theo hợp đồng là: 5.938.140.646đ, Trong đó: Nợ gốc là: 2.697.000.000đ. Nợ lãi trong hạn là: 2.697.000.000đ, Nợ lãi quá hạn là: 959.518.471đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu ông Th phải trả số nợ tính đến ngày 15/11/2019 là : Nợ gốc là: 2.697.000.000đ, Lãi trong hạn: 3.423.026.235đ, Lãi quá hạn 1.024.767.265đ, tổng 7.143.793.500đ.

Ngân hàng đề nghị Tòa án yêu cầu ông Th phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng đến ngày xét xử. Trong trường hợp ông Th không trả được nợ, ngân

hàng đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản thế chấp của cụ Nguyễn Thị L để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Xuân Th trình bày:

Ông Đặng Xuân Thanh, Ngân hàng TMCP SGCT có ký 2 hợp đồng tín dụng số 179/2013/HĐTDTL – CN ngày 19/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số 25/2014/HĐTDTL – CN ngày 23/01/2014, 03 Giấy nhận nợ đúng như Ngân hàng trình bày. Ông Th xác nhận tổng số nợ gốc và lãi như Ngân hàng đưa ra là đúng. Tuy nhiên, hiện tại gia đình ông đang gặp khó khăn về mặt tài chính nên ông Th xin trả cho ngân hàng số nợ gốc và xin miễn toàn bộ lãi.

Cụ Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2013 và 2014, con trai cụ là Đặng Xuân Th có vay tiền Ngân hàng đúng như ông Th và Ngân hàng trình bày. Để đảm bảo cho khoản vay này, cụ L đã thế chấp tài sản là quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 8D ngõ 19 NCT, P. ĐN, HBT, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 948208 ngày 18/06/2012 mang tên Nguyễn Thị L cho Ngân hàng, việc ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện và không ai ép buộc. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Th phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến 17/10/2018 tổng số tiền gốc và lãi là 5.524.637.800đ thì cụ L đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho cụ L thanh toán nợ gốc thành 3 đợt và miễn toàn bộ lãi.

Ngày 22/7/2019, Tòa án quận HBT nhận được đơn kêu cứu của cụ L với nội dung: Ngày 22/6/2012, cụ L có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 36a, tờ bản đồ số 6I-I-32 (1997) diện tích 91,8m<sup>2</sup>, nhà ở 2 tầng có diện tích xây dựng 64m<sup>2</sup>, kết cấu bê tông tại địa chỉ số nhà 8D ngõ 19 NCT, Phường ĐN, HBT, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 948208 do UBND quận HBT cấp ngày 18/6/2012 cho Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông Đặng Xuân Th với tổng dư nợ đảm bảo tối đa cho mọi thời điểm không vượt quá số tiền 3,8 tỷ đồng (ba tỷ tám trăm triệu đồng). Trường hợp phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh, trả thay ông Th các khoản nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng hoặc phát mại tài sản thế chấp thì căn cứ Hợp đồng thế chấp và Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 17/10/2012 tổng dư nợ đảm bảo tối đa cho mọi thời điểm không vượt quá số tiền 3,8 tỷ đồng.

Đồng thời, lỗi dẫn đến việc để ông Th không trả nợ đúng hạn gốc và lãi, phát sinh nợ quá hạn từ năm 2013 đến năm 4/2019 với tổng nợ gốc và lãi tạm tính là 5.793.157.863 là do Ngân hàng đã không chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn cả gốc và lãi trong trường hợp bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã cố ý vi phạm quy tắc cho vay theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng có chậm thông báo cho cụ L khi khoản vay của ông Th không trả được nợ gốc, lãi, nay yêu cầu cụ L thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay với số nợ gấp nhiều lần là gây thiệt hại cho cụ L. Vì vậy, cụ L đề nghị Ngân hàng được miễn toàn bộ lãi, gia đình xin trả nợ gốc để giải chấp sổ đỏ cho gia đình.

Bà Lê Thị Nga M trình bày:

Do ông Th (chồng bà M) làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn không có khả năng trả nợ nên đề nghị Ngân hàng cho gia đình được trả nợ toàn bộ số nợ gốc thành 3 đợt trong vòng 1 tháng và miễn toàn bộ lãi, giải chấp tài sản đảm bảo là nhà đất số 8D ngõ 19 NCT, Phường ĐN, HBT, Hà Nội. Nếu ngân hàng không miễn được toàn bộ lãi thì gia đình bà xin trả mỗi tháng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Ông Đ, bà D, anh H, chị T và các cháu H, Đ, T do các bố mẹ là đại diện đều vắng mặt theo các Thông báo của Tòa án nên không lấy được lời khai mà chỉ ký vào các đơn kêu cứu khẩn cấp thể hiện sự đồng ý với ý kiến của cụ L.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2019/KDTM – ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận HBT đã quyết định như sau :

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội do Công ty TNHH một thành viên QLTS (VMAC) kế thừa quyền và nghĩa vụ đối với ông Đặng Xuân Th

2. Buộc ông Đặng Xuân Th phải trả cho Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội do Công ty TNHH một thành viên QLTS (QLTS) kế thừa quyền và nghĩa vụ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số: 179/2013/HĐTDTL-CN ngày 19/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số: 25/2014/HĐTDTL-CN ngày 23/01/2014 và 03 Giấy nhận nợ số: 179/2013/GNN ngày 19/7/2013; số: 25-1/2014/GNN ngày 23/01/2014; số: 25-2/2014/GNN ngày 25/01/2014 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/11/2019) là:

Nợ gốc: 2.697.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 3.423.026.235 đồng

Lãi quá hạn: 1.024.767.265 đồng.

Tổng cộng: 7.143.793.500 đồng.

*(Bảy tỷ một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm chín ba nghìn năm trăm đồng).*

Ông Đặng Xuân Th tiếp tục phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và 03 Giấy nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp ông Đặng Xuân Th không trả được khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội do Công ty TNHH một thành viên QLTS (VMAC) kế thừa quyền và nghĩa vụ có quyền yêu cầu cụ Nguyễn Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Th trong phạm vi nghĩa vụ bảo đảm là số tiền 3,8 tỷ đồng. Khi cụ L thực hiện xong nghĩa vụ của mình, Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội do Công ty TNHH một thành viên QLTS (VMAC) kế thừa quyền và nghĩa vụ phải thực hiện việc giải chấp tài sản và trả cho cụ L toàn bộ giấy tờ gốc của tài sản thế chấp là nhà đất tại số 8D, ngõ 19, phố NCT, phường ĐN, quận HBT, Hà Nội. Đối với số dư nợ còn lại ông Th phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết khoản nợ.

4. Trường hợp ông Đặng Xuân Th và cụ Nguyễn Thị L không trả được khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội do Công ty TNHH một thành viên QLTS (VMAC) kế thừa quyền và nghĩa vụ có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 8D, ngõ 19, phố NCT, phường ĐN, quận HBT, Hà Nội đã được UBND quận HBT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 948208, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00392 cấp ngày 18/6/2012 đứng tên cụ Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp ngày 22/6/2012 và Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 17/10/2012 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/6/2012 tại Văn phòng Đăng ký đất và nhà quận HBT để thu hồi khoản nợ là 3,8 tỷ đồng. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo sau khi kê biên phát mãi còn dư Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội do Công ty TNHH một thành viên QLTS (VMAC) kế thừa quyền và nghĩa vụ phải trả lại cho cụ L số tiền dư đó. Đối với số dư nợ còn lại ông Th phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết khoản nợ. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo khi kê biên phát mãi còn thiếu thì ông Th tiếp tục phải trả cho Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội

do Công ty TNHH một thành viên QLTS (VMAC) kế thừa quyền và nghĩa vụ cho đến khi hết khoản nợ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

**Sau khi xét xử sơ thẩm :**

- Nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Đặng Xuân Th và cụ Nguyễn Thị L phải thanh toán khoản nợ gốc và lãi theo nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng thế chấp và Nguyên đơn được kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của cụ Nguyễn Thị L để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi nêu trên.

- Ông Đặng Xuân Thanh, cụ Nguyễn Thị L đều kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi của gia đình cụ L , cụ thể gia đình cụ L chỉ phải trả nợ thay ông Th khoản nợ gốc tương ứng với số tiền là 2.697.000.000 đồng vì nghĩa vụ bảo lãnh của cụ Liễu là nghĩa vụ trả nợ gốc (không bao gồm nợ lãi) nên Tòa án sơ thẩm buộc cụ L phải bảo lãnh với tổng dư nợ là 3.800.000.000 đồng là không đúng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm :**

- *Nguyên đơn trình bày:* giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 3 Hợp đồng thế chấp, Phụ lục Hợp đồng thế chấp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nêu trong trường hợp ông Đặng Xuân Th không trả được nợ gốc , nợ lãi thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

- *Ông Đặng Xuân Thanh, cụ Nguyễn thị L , bà Lê Thị Nga M , luật sư L, luật sư N thống nhất trình bày những nội dung kháng cáo như sau:*

+ Trong hồ sơ thể hiện có Giấy uỷ quyền 305/GUQ-SGB, Giấy uỷ quyền 306/GUQ-SGB ngày 15/7/2019 thể hiện việc ông Lê Quang L uỷ quyền cho bà Đàm Thị Minh T hoặc ông Nguyễn Việt C đại diện cho Ngân hàng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận tư cách đại diện theo uỷ quyền của Bà T là không đúng, vi phạm thủ tục tố tụng.

+ Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Đặng Xuân Th trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGCT chi nhánh Hà Nội là không đúng bởi Chi nhánh không có tư cách pháp nhân.

+ Cụ L đã có Đơn tố cáo về việc Ngân hàng sử dụng Giấy báo giả mạo nộp cho Toà án làm chứng cứ trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chuyển cơ quan điều tra xem xét.

+ Đối với Hợp đồng tín dụng 179/2013 ngày 19/7/2013, tại Hợp đồng mua bán nợ số 6116/2018/ ngày 17/12/2018 thể hiện khoản lãi chưa thanh toán đối với Hợp đồng nêu trên là 124.750.018đ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản lãi mà ông Th chưa thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng 179 /2013 ngày 19/7/2013 là 124.750.018đ.

+ Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện : Đối với Hợp đồng tín dụng 179 /2013 ngày 19/7/2013 từ ngày 19/7/2013 đến ngày 19/1/2014 ông Th vi phạm nghĩa vụ chậm trả lãi( theo Hợp đồng số lãi phải trả 40.888.889đ , mới trả 28.889.078đ). Do vậy ngày 23/1/2014 việc Ngân hàng giải ngân cho ông Th vay số tiền 3.000.000.000đ là vi phạm nguyên tắc cho vay. Ngay sau thời điểm ông Th vi phạm nghĩa vụ nhưng Ngân hàng không thông báo cho cụ L để khoản nợ lãi quá hạn kéo dài đến thời điểm hiện nay gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của cụ L . Với những vi phạm nêu trên của Ngân hàng, cụ L không phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho ông Th nếu ông Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

+ Cụ L chỉ đồng ý bảo đảm cho khoản vay của ông Th cả nợ gốc và nợ lãi là 2.500.000.000đ, trong trường hợp từ ngữ trong Hợp đồng thể chấp khó hiểu thì phải được giải thích theo hướng có lợi cho người yếu thế là cụ L , khi ký kết Hợp đồng thể chấp ngân hàng không giải thích rõ cho cụ L về giới hạn đảm bảo do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp để thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của nguyên đơn.

+ Cụ L trên 70 tuổi và ông Th là gia đình liệt sỹ nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung : Đơn kháng cáo của nguyên đơn, ông Th , cụ L trong thời hạn và hợp lệ.

- Ngày 17/12/2018 QLTS và Ngân hàng TMCP SGCT ký Hợp đồng mua bán nợ số 6116/2018/UQ.QLTS -SAIGONBNK, Hợp đồng uỷ quyền số 6117/2018/UQ.QLTS -SAIGONBNK, do vậy việc ông Lê Quang L uỷ quyền cho bà Đàm Thị Minh T tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật.



- Tại phiên toà sơ thẩm Nguyên đơn rút yêu cầu khoản phạt chậm trả, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần phải đình chỉ đối với yêu cầu đòi khoản phạt chậm trả, Toà án cấp sơ thẩm cho rằng do nguyên đơn rút yêu cầu nên không xem xét là không đúng, cần phải sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ , kết quả tại phiên toà thấy rằng các bên ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, phụ lục Hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, nội dung , hình thức phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực, do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Th phải trả nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ, nên chấp nhận. Căn cứ khoản 1 điều 3 , điểm f điều 4 Hợp đồng thế chấp thấy rằng giá trị tài sản thế chấp đảm bảo cho toàn bộ gốc và lãi đối với khoản nợ của ông Đặng Xuân Thanh, việc Toà án cấp sơ thẩm quyết định giới hạn đảm bảo đối với tài sản thế chấp là 3.800.000.000đ là không đúng cần sửa lại theo hướng trên. Giấy mời họp không trực tiếp liên quan đến chi tiết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp nên không chấp nhận khiếu nại của cụ L . Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của Nguyên đơn, ông Đặng Xuân Thanh, cụ Nguyễn Thị L trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Về tư cách đương sự : Ngày 20/10/2017 Ngân hàng TMCP SGCT khởi kiện, ngày 9/1/2018 Toà án nhân dân Quận HBT thụ lý vụ án và xác định Ngân hàng TMCP SGCT là nguyên đơn trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 2 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 17/12/2018 QLTS và Ngân hàng TMCP SGCT ký Hợp đồng mua bán nợ số 6116/2018/UQ.QLTS -SAIGONBNK với nội dung QLTS mua toàn bộ khoản nợ của Khách hàng Đặng Xuân Th của Ngân hàng TMCP SGCT .Như vậy theo quy định tại điều 365, 368 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Công ty QLTS trở thành chủ sở hữu khoản nợ của Khách hàng Đặng Xuân Th Ngày 17/12/2018 QLTS và Ngân hàng TMCP SGCT ký Hợp đồng uỷ quyền số 6117/2018/UQ.QLTS -SAIGONBNK với nội dung QLTS uỷ quyền cho Ngân hàng TMCP SGCT thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến Khách hàng Đặng Xuân Th và khoản nợ của của Khách hàng Đặng Xuân

Th tại Hợp đồng mua bán nợ số 6116/2018/UQ.QLTS -SAIGONBNK. Do vậy việc ông Vũ Quang Lâm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP SGCT ký Giấy uỷ quyền cho bà Đàm Thị Minh T đại diện cho Ngân hàng TMCP SGCT tham gia tố tụng và quyết định những vấn đề có liên quan đến vụ kiện giữa nguyên đơn là QLTS và bị đơn là ông Đặng Xuân Th là phù hợp với điều 562, 563,564 Bộ luật dân sự , phù hợp với điểm b,c điều 6 Nghị quyết số 03/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, Khoản 4 điều 1 Hợp đồng uỷ quyền, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ Nguyễn thị L , ông Đặng Xuân Th về việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận việc bà Đàm Thị Minh T là đại diện uỷ quyền của nguyên đơn. Như đã phân tích ở trên, việc Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Th có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP SGCT - Chi nhánh Hà Nội là chưa chính xác, do vậy chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Th , cụ L sửa án sơ thẩm về nội dung trên.

- Tại cấp phúc thẩm cụ Liễu có yêu cầu Toà án trung cầu giám định chữ ký chữ viết trong Giấy mời số 120/2015 ngày 8/10/2015 do Ngân hàng xuất trình vì cho rằng cụ L không nhận được Giấy mời nêu trên, Toà án đã yêu cầu Nguyên đơn nộp Giấy mời để phục vụ cho việc trung cầu giám định, nhưng Nguyên đơn trình bày do sơ suất hiện nay không tìm thấy Bản chính giấy mời nêu trên nên không thể nộp cho Toà án, do vậy không thể giám định được. Thấy rằng Giấy mời số 120/2015 có nội dung : Ngân hàng mời ông Th , cụ L đến giải quyết khoản nợ gốc nợ lãi của ông Th không phải là chứng cứ ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiết nội dung khoản nợ, nên việc không giám định được không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, do vậy việc kháng cáo nêu trên của cụ L không được chấp nhận.

**- Về nội dung:**

- Tại phiên toà sơ thẩm, Nguyên đơn rút yêu cầu khoản phạt chậm trả, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần phải đình chỉ đối với với yêu cầu đòi khoản phạt chậm trả, Toà án cấp sơ thẩm cho rằng do nguyên đơn rút yêu cầu nên không xem xét là không đúng, cần phải sửa án sơ thẩm.

\* Về nợ gốc : Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của Nguyên đơn, lời thừa nhận của ông Đặng Xuân Th thể hiện ông Đặng Xuân Th và Ngân hàng TMCP SGCT - Chi nhánh Hà Nội ký kết các Hợp đồng tín dụng số 179/2013/HĐTDTL - CN và giấy nhận nợ 179/2013/ GNN ngày 19/7/2013 , Hợp đồng tín dụng số 25/2014/HĐTDTL – CN, Giấy nhận nợ số 25-1/2014/GNN ngày 23/01/2014 , Giấy

nhận nợ 25-2/2014/GNN ngày 25/01/2014 trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, nên phát sinh hiệu lực. Tại Giấy đề nghị vay vốn ngày 19/7/2013, 23/1/2014, 25/1/2014 ông Đặng Xuân Th đều cam kết : “ *trả gốc và lãi đầy đủ, đúng kế hoạch đã cam kết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm trong sử dụng vốn vay và sự đúng đắn, trung thực về thông tin và số liệu cung cấp cho Ngân hàng* ”, thấy rằng việc giải ngân số tiền vay là theo đề nghị của ông Th phù hợp với Hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết, do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông Th , cụ L về việc Ngân hàng vi phạm nguyên tắc cho vay.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời thừa nhận của các đương sự xác định ông Đặng Xuân Th còn nợ của Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.697.000.000 đồng nên Tòa án sơ thẩm xử buộc ông Đặng Xuân Th phải trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên là phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

\*Về nợ lãi :

- Hợp đồng tín dụng số 179/2013/ HĐTDTL - CN và giấy nhận nợ 179/2013/GNN ngày 19/7/2013 thể hiện số tiền vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), Lãi suất 16%/năm, điều chỉnh định kỳ 6 tháng /01 lần theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm Ngân hàng và ông Th đều xác nhận ông Th đã trả đủ 500.000.000đ số nợ gốc, số lãi chưa thanh toán, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Th phải trả số nợ lãi Hợp đồng tín dụng số 179/2013/ HĐTDTL - CN và giấy nhận nợ 179/2013/ GNN ngày 19/7/2013 là 160.680.389đ (Trong đó lãi trong hạn 26.527.553đ, lãi quá hạn 134.152.836đ) có căn cứ để chấp nhận.

- Hợp đồng tín dụng số 25/2014/HĐTDTL – CN, Giấy nhận nợ số 25-1/2014/GNN ngày 23/01/2014 , Giấy nhận nợ 25-2/2014/GNN ngày 25/01/2014 thể hiện số tiền vay là 3.000.000.000đ, Lãi suất 14,5%/năm. Điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần kể từ ngày nhận nợ theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm Nguyên đơn và ông Th đều xác nhận ông Th đã trả 303.000.000đ số nợ gốc, số lãi chưa thanh toán, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Th phải trả số nợ gốc 2.697.000.000đ là phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đều thể hiện : “*Điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần kể từ ngày nhận nợ theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực*

*tại thời điểm điều chỉnh”* , do vậy phải căn cứ vào mức lãi suất điều chỉnh của Ngân hàng từng thời điểm để xác định lãi suất đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên, việc Nguyên đơn cho rằng theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn thì Nguyên đơn chỉ áp dụng 1 mức lãi suất tại thời điểm chuyển sang quá hạn mà không điều chỉnh lãi suất theo Hợp đồng tín dụng với lý do khoản nợ quá hạn là không đúng và không phù hợp với những thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, do vậy cần phải xác định lại lãi suất. Căn cứ vào Thông báo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thể hiện mức lãi suất giảm dần từ 14,5% , 13,5%, 13%,12%,11%,10,5% là phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của chính phủ nên chấp nhận, do vậy chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Đặng Xuân Thanh, cụ Nguyễn Thị L về lãi suất , cụ thể buộc ông Đặng Xuân Th phải trả khoản lãi của Hợp đồng tín dụng số 25/2014/HĐTDTL – CN, Giấy nhận nợ số 25-1/2014/GNN ngày 23/01/2014 , Giấy nhận nợ 25-2/2014/GNN ngày 25/01/2014 là : Lãi trong hạn : 322.208.334đ Lãi quá hạn : 3.360.862.335đ Tổng lãi : 3.683.070.669đ.

\* Về Hợp đồng thế chấp:

Ngày 22/6/2012, cụ Nguyễn Thị L và Ngân hàng TMCP SGCT – Chi nhánh Hà Nội do ông Phan Lễ Ngọc – Giám đốc chi nhánh ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2804.12 , Quyền số 2-TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 01 thành phố Hà Nội lập , Phụ lục Hợp đồng thế chấp số công chứng 2804.12 Quyền số 5-TP/CC-SCC/HĐGD có nội dung : “ *Cụ Nguyễn Thị L thế chấp là : quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 8D, ngõ 19, phố NCT , phường ĐN , quận HBT , Hà Nội đã được UBND quận HBT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 948208, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00392 cấp ngày 18/6/2012 đứng tên cụ Nguyễn Thị L cho Ngân hàng đảm bảo cho khoản vay của ông Đặng Xuân Thanh*”, Văn phòng đăng ký đất và nhà ở quận HBT đăng ký giao dịch đảm bảo số 461 ngày 26/6/2012. Thấy rằng , các bên ký kết Hợp đồng thế chấp, Phụ lục Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với các Điều 342, 343, 715 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 114, 115 Luật nhà ở năm 2005 và Điều 106 luật Đất đai năm 2003, được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và các quy định của pháp luật có liên quan, nên phát sinh hiệu lực.

Các bên không tranh chấp về việc ký kết Hợp đồng thế chấp, Phụ lục hợp đồng thế chấp, không tranh chấp về tài sản thế chấp mà chỉ tranh chấp về nghĩa vụ bảo lãnh của tài sản thế chấp đối với khoản vay của ông Đặng Xuân Thanh, do vậy Hội đồng xét xử xem xét về nghĩa vụ bảo lãnh. Tại điều 2 Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận: “*bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản thế chấp nói trên cho bên ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của ông Đặng Xuân Th Thời hạn thế chấp tài sản là 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nếu hết thời hạn thế chấp nói trên mà khách hàng được cấp tín dụng và Bên thế chấp chưa trả hết nợ ( gốc và lãi ) thì Bên ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi số tiền vay nêu tại khoản 2 điều 2 của Hợp đồng thế chấp này và các khoản lãi, chi phí phát sinh liên quan đến số tiền vay nêu trên ”*. Tại điều 1 .2 Phụ lục hợp đồng thế chấp thể hiện “*Khách hàng được cấp tín dụng có thể vay bằng nhiều lần, bằng nhiều Hợp đồng tín dụng khác nhau nhưng tổng dư nợ bảo đảm tối đa cho mọi thời điểm không vượt quá số tiền 3.800.000.000 đồng*”.

Với thỏa thuận này phải được hiểu rằng Ngân hàng đồng ý cho Bên vay vay số tiền mà tổng dư nợ của khách hàng vay tại thời điểm giải ngân tối đa không quá 3.800.000.000đ chứ không phải phạm vi bảo lãnh của tài sản thế chấp là 3.800.000.000đ. Do vậy, việc Toà án cấp sơ thẩm xác định phạm vi bảo lãnh của tài sản thế chấp là bảo lãnh đối với nợ gốc và nợ lãi không vượt quá 3.800.000.000đ là không phù hợp với 2 Hợp đồng thế chấp, do vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn về phạm vi bảo lãnh của tài sản thế chấp, sửa bản án sơ thẩm với nội dung : trong trường hợp ông Th không trả được khoản nợ thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh của ông Th đối với 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Điểm f khoản 3 điều 4 Hợp đồng thế chấp quy định : “*Bên thế chấp cam đoan chịu mọi trách nhiệm bằng tài sản thế chấp đối với mọi nhu cầu vay vốn của Khách hàng được cấp tín dụng , không yêu cầu được tham gia , không yêu cầu phải được có ý kiến với các lần vay vốn của Khách hàng được cấp tín dụng và bên ngân hàng thông báo cho mình trước và sau khi thực hiện các khoản vay*”, căn cứ vào điều khoản trên thì Ngân hàng không có nghĩa vụ phải thông báo về việc vay nợ, khoản nợ của ông Th cho cụ L , do vậy không chấp nhận kháng cáo của cụ L cho rằng Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ thông báo ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của cụ L .

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th , bà Liễu sửa án sơ thẩm theo hướng trên.

\* Về án phí : Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

***Từ những nhận định trên!***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điều 342, 343, 351, 471, 474, 476, 715 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điều 147, điều 148, khoản 1 điều 161, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 ,Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 , Khoản 6 điều 12 Nghị định 83/2010 ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 2 điều 26, khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử :** Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH QLTS là người kế thừa quyền và nghĩa vụ Ngân hàng Thương mại cổ phần SGCT . Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Xuân Thanh, cụ Nguyễn thị L .

*Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2019/ KDTM – ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận HBT và quyết định như sau :*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH QLTS là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGCT .

**2.** Buộc ông Đặng Xuân Th phải trả cho Công ty TNHH QLTS là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGCT số tiền nợ của Hợp đồng

tín dụng số: 179/2013/HĐTDTL-CN ngày 19/7/2013 và Hợp đồng tín dụng số: 25/2014/HĐTDTL-CN ngày 23/01/2014 tính đến ngày 15/11/2019 là:

Nợ gốc:	2.697.000.000 đồng
Lãi trong hạn:	348.735.887 đồng
Lãi quá hạn:	3.495.015.171 đồng.
Tổng cộng:	6.540.751.058 đồng.

*(Sáu tỷ năm trăm bốn mươi triệu bảy trăm năm một nghìn không trăm năm tám đồng).*

Kể từ ngày kế tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ( 16/11/2019) ông Đặng Xuân Th tiếp tục phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và 03 Giấy nhận nợ đã ký giữa hai bên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3.Trường hợp ông Đặng Xuân Th không trả được khoản nợ nêu trên, Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGCT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm là : Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 36a tờ bản đồ 6I-I-32(1997) tại địa chỉ số 8D, ngõ 19 phố NCT , phường ĐN , quận HBT , Hà Nội đã được UBND quận HBT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 948208, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00392 cấp ngày 18/6/2012 đứng tên cụ Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp ngày 22/6/2012 và Phụ lục hợp đồng thế chấp ngày 17/10/2012 tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hà Nội, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/6/2012 tại Văn phòng Đăng ký đất và nhà quận HBT để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các thành viên trong hộ gia đình trong vụ án này đang cư trú tại diện tích đất nêu trên, nếu còn có những người khác có hộ khẩu tại địa chỉ trên hoặc không có hộ khẩu nhưng thực tế đang sinh sống tại địa chỉ trên cũng phải có trách nhiệm chuyển tài sản, đồ đạc ra khỏi khuôn viên tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp ông Đặng Xuân Th thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Công ty TNHH QLTS là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGCT có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất bản chính đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán thì ông Đặng Xuân Thanh phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền còn nợ thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả cho người thế chấp tài sản.

4/ Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm đối với ông Đặng Xuân Thanh, cụ Nguyễn thị L .

- Trả lại cho Công ty TNHH QLTS là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGCT số tiền 56.516.251 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 3475 ngày 09/01/2018, số tiền 2.000.000 tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 3069 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận HBT , thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 25/6/2020.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND Quận HBT ;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**



